

Bản án số: 214/2023/DS-PT
Ngày 07/11/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Ông Trần Bá Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị ngọc Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 171/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Thái Minh Tuấn E**, sinh năm 1987; (có mặt)

Địa chỉ: **Tổ B, Khu phố A, phường A, Tp ., tỉnh Kiên Giang;**

Bị đơn: Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1971; (vắng mặt)

Bà **Huỳnh Thiện Y**, sinh năm 1971; (có mặt)

Địa chỉ: **Tổ B, Khu phố A, phường A, Tp ., tỉnh Kiên Giang;**

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị **Phạm Thị Ngọc T**, sinh năm 1990 (vợ anh **Tuấn E1**, vắng mặt).

Địa chỉ: **Tổ B, Khu phố A, phường A, Tp ., tỉnh Kiên Giang.**

Người kháng cáo: Anh **Thái Minh Tuấn E** - nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 06-3-2023 và quá trình giải quyết vụ kiện anh **Thái Minh Tuấn E trình bày:** Vào ngày 11-7-2018, anh **Tuấn E1** cho vợ chồng ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y** vay số tiền 100.000.000đ, lãi vay

4.000.000đ/tháng, thời hạn vay từ 06 đến 12 tháng, mục đích vay để cho vợ chồng ông **H** làm tổn phí đi biển, các bên có viết giấy thế chấp nhà ở, vợ chồng ông **H** ký xác nhận nợ, vợ chồng ông **H** có giao bản gốc giấy sang nhượng nhà đất, ở đề ngày 21-8-2010 cho anh **Tuấn E1** để làm tin. Đã nhận 01 tháng tiền lãi 4.000.000đ, giao trực tiếp số tiền 96.000.000đ cho vợ chồng ông **H**, bà **Y** nhận, đến nay không tiếp tục trả nợ gốc, lãi.

Không thừa nhận có nhận tiền lãi 500.000đ/ngày và số tiền 100.000.000đ cần trừ nợ riêng cho bà **Y** 40.000.000đ như vợ chồng ông **H** trình bày. Thừa nhận bà **Y** có trả nhiều lần được 119.000.000đ, làm tròn 120.000.000đ, đây là khoảng vay riêng giữa bà **Y**, không phải khoảng vay 100.000.000đ theo biên nhận ngày 11-7-2018. Thừa nhận có **Tuấn M** đứng ra để thay mặt vợ chồng, ông **H**, bà **Y** để xin cho trả mỗi tháng 5.000.000đ, nhưng anh **Tuấn E1** chỉ đồng ý cho trả mỗi tháng 10.000.000đ.

Trước khi khởi kiện ra Tòa, anh **Tuấn E1** có điện thoại hỏi bà **Y** bà **Y** có trình bày trên điện thoại, xác nhận khoảng tiền 119.000.000đ là khoảng vay riêng của số tiền 100.000.000đ trước đó, còn khoảng vay 100.000.000đ là khoảng vay theo biên nhận ngày 11-7-2018 vợ chồng vay chung.

Nay anh **Tuấn E1** yêu cầu vợ chồng ông **H**, bà **Y** trả số tiền 100.000.000đ theo biên nhận nợ ngày 11-7-2018, trả lãi 1,67%/tháng tính từ ngày 11-08-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, đồng ý trả lại bản gốc giấy giấy sang nhượng nhà đất, ở đề ngày 21-8-2010. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa anh **Thái Minh Tuấn E** khẳng định việc giao dịch vay tiền giữa bà **Yến anh T1** sử dụng số điện thoại 0972.830.373, còn bà **Y** sử dụng số điện thoại 0971.202.918, bà **Y** có trả tiền và nhắn tin cho anh **T1** Em qua số điện thoại trên, toàn bộ tin nhắn bà **Y** cung cấp trong hồ sơ là tin nhắn giao dịch vay tiền với anh **Tuấn E1**. Tuy nhiên, có nội dung bà **Y** đã trả 119.000.000đ (làm tròn 120.000.000đ) là khoản vay riêng của bà **Y** đã trả, không phải khoản nợ chung của vợ chồng bà **Y** theo biên nhận ngày 11-7-2018. Đối với khoản nợ đã trả 120.000.000đ, các bên chỉ giao nhận trực tiếp, không làm biên nhận hay ghi sổ theo dõi giữa hai bên.

Nay yêu cầu Tòa án hủy bỏ giấy thế chấp nhà, đất ở đề ngày 11/7/2018, buộc vợ chồng ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y** trả cho anh **T1** số tiền 100.000.000đ và tiền lãi 1,67%/tháng tính từ ngày 11-8-2018 đến ngày 10-8-2023 là 59 tháng, lẻ 29 ngày = 100.144.000đ, tổng cộng 200.144.000đ (hai trăm triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng). Tuy nhiên, anh **T1** xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi, số tiền 100.144.000đ, anh **Tuấn E1** chỉ yêu cầu vợ chồng ông **H**, bà **Y** trả 20.000.000đ, như vậy tổng cộng nợ gốc và lãi là 120.000.000đ.

Chị **Phạm Thị Ngọc T** là vợ anh **Tuấn E1**, thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của anh **Tuấn E1**, xác định khoảng nợ cho vợ chồng ông **H**, bà **Y** vay là tiền chung của vợ chồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn ông **Trần Ngọc H** và ông **Huỳnh Thiện Y** trình bày:**

Ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y** là vợ chồng. Thừa nhận có vay số tiền 100.000.000đ của **Tuấn E1**, nhưng **Tuấn E1** chỉ đưa 60.000.000đ, còn 40.000.000đ thì **Tuấn E1** trừ vào khoảng tiền góp mà bà **Y** lén lút ông **H**, vay trả góp ngày cho **Tuấn E1** trước đó. Số tiền 60.000.000đ **Tuấn E1** buộc vợ chồng ông **H**, bà **Y** phải trả lãi hàng ngày, cứ mỗi ngày trả 500.000đ, góp trực tiếp, không làm biên nhận, không ghi sổ theo dõi, khi nào có vốn thì trả vốn sẽ ngừng góp lãi, không phải vay mỗi tháng 4% tiền lãi như **Tuấn E1** khai. Đã góp được hơn 05 tháng khoảng 75.000.000đ thì không có khả năng góp, nên **T1** em kiện đòi nợ.

Thừa nhận giấy thế chấp ngày 11-7-2018 là chữ ký của vợ chồng ông **H**, bà **Y**. Khi không có tiền trả góp thì **T1** Em lên nhà quậy phá, có lần cầm Mã Tấu kê vào cổ bà **Y** để buộc trả nợ. Vợ chồng bà **Y** có nhờ **Tuấn M** (bạn xã hội), gặp **Tuấn E1** để xin trả nợ mỗi tháng 5.000.000đ. **Tuấn M** có gặp **Tuấn E1**, nhưng **Tuấn E1** không đồng ý, mà yêu cầu mỗi tháng phải trả 10.000.000đ.

Khẳng định số tiền vay 100.000.000đ đã trả tổng cộng được 119.000.000đ (làm tròn 120.000.000đ). Vì việc vay tiền của **Tuấn E1**, hai bên có sử dụng điện thoại, **Tuấn E1** sử dụng số điện thoại 0972.830.373, còn bà **Y** sử dụng số điện thoại 0971.202.918, toàn bộ tin nhắn bà **Y** cung cấp trong hồ sơ là tin nhắn giao dịch vay tiền với anh **Tuấn E1**, có thể hiện nội dung đã trả 119.000.000đ cho **Tuấn E1**.

Nay vợ chồng ông **H** không đồng ý trả cho **Tuấn E1** số tiền gốc và lãi tổng cộng 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Chỉ đồng ý trả 31.000.000đ là nợ gốc, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Thái Minh T2** Em hủy giao dịch vay tiền có thế chấp theo giấy thế chấp nhà, đất ở đề ngày 11-7-2018 giữa anh **Thái Minh Tuấn E** xác lập với vợ chồng ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y**. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y** trả cho anh **Thái Minh T2** Em số 31.000.000đ (ba mươi một triệu đồng).

2- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Thái Minh Tuấn E** về việc buộc vợ chồng ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y** trả cho anh **Thái Minh T2** Em số tiền 89.000.000đ (tám mươi chín triệu đồng).

3- Buộc anh **Thái Minh T2** Em giao trả lại bản gốc “Giấy tay sang nhượng nhà, đất ở đề ngày 21-8-2010” cho vợ chồng ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y**

(bản gốc được anh **T2** Em giao nộp cho Tòa án lưu vào hồ sơ vụ án, ký hiệu Bút lục số 18).

4- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Thái Minh Tuấn E** về việc buộc vợ chồng anh **H**, chị **Y** trả số tiền 89.144. 000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

* Ngày 21/8/2023 nguyên đơn ông **Thái Minh Tuấn E** kháng cáo yêu cầu sửa lại bản án sơ thẩm số 42/2023/DS-ST ngày 10/8/2023 của Tòa án nhân dân TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang để xét xử lại theo hướng buộc vợ chồng ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y**, sinh năm 1971 giao trả cho ông số tiền vốn gốc 89.000.000 đồng (tám mươi chín triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- **Nguyên đơn:** Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.
- **Bị đơn:** Yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh **Tuấn E1**, sửa bản án sơ thẩm về phần tuyên buộc anh **Tuấn E1** trả giấy tay thế chấp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía bị đơn anh **H**, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị **T** không có đơn kháng cáo vắng mặt, đương sự có mặt thống nhất xử vắng mặt họ. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử thối nhất xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh **Tuấn E1**, Hội đồng xét xử căn cứ giấy tay thế chấp nhà đất ở ngày 11/7/2018 thể hiện vợ chồng anh **H**, chị **Y** có thỏa thuận thế chấp 01 căn nhà cấp 4, diện tích 26 m², tọa lạc tại **tổ A, khu phố A, phường A, thành phố P** để vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng (bút lục 16), cả hai bên đương sự đều thừa nhận là sự thật, nên bên cho vay không phải chứng minh.

[3] Về phía chị **Y** cho rằng số tiền vay này thực chất chị chỉ nhận tiền mặt 60.000.000 đồng còn 40.000.000 đồng chị trả khoản nợ trước đó là kết thúc, và chị đã trả nợ vay này được 119.000.000 đồng, hai bên tính tròn thành 120.000.000 đồng thông qua tin nhắn qua điện thoại được hai bên thừa nhận. Về phía anh **Tuấn E1** cho rằng khoản tiền chị **Y** trả 120.000.000 đồng là khoản tiền vay góp riêng 100.000.000 đồng của chị **Y** nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Điều này cũng thể hiện anh **Tuấn E1** là người chuyên cho vay tiền và việc tính lãi suất vay giữa các bên có tranh chấp do không ghi vào giấy tay, phía anh **Tuấn E1** trình bày lãi suất cho vay 4%/tháng, còn chị **Y** trình bày lãi suất cho vay theo ngày, mỗi ngày chị trả lãi 500.000 đồng/100.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định hai bên có tranh chấp về lãi suất và áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 để tính mức lãi 10%/năm (0,83%/tháng) là đúng pháp luật. Phía anh **Tuấn E1** kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị **Y** có vay riêng đúng số tiền 100.000.000 đồng nên không có cơ sở pháp lý để Hội đồng xét xử xem xét.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm có thiếu sót khi tuyên buộc anh **T2** Em giao trả lại bản gốc “Giấy tay sang nhượng nhà, đất ở đề ngày 21-8-2010” cho vợ chồng ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y** (bản gốc được anh **T2** Em giao nộp cho Tòa án lưu vào hồ sơ vụ án, ký hiệu *Bút lục số 18*), trong khi vợ chồng chị **Y** không có đơn phản tố và bản gốc đang lưu trong hồ sơ vụ án, do đó, cần sửa bản án sơ thẩm phần này và rút kinh nghiệm với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh **Tuấn E1**, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát về việc bác nội dung kháng cáo của anh **Tuấn E1** và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm, phía anh **Tuấn E1** phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn **Thái Minh Tuấn E**.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2023/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Thái Minh T2** Em hủy giao dịch vay tiền có thể chấp theo giấy thế chấp nhà, đất ở đề ngày 11-7-2018 giữa anh **Thái Minh Tuấn E** xác lập với vợ chồng ông **Trần Ngọc H**, bà **Huỳnh Thiện Y**.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng anh **Trần Ngọc H**, chị **Huỳnh Thiện Y** trả cho anh **Thái Minh T2** Em số 31.000.000đ (*ba mươi một triệu đồng*). Trường hợp không tự nguyện, thì anh **Tuấn E1** có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án buộc vợ chồng anh **H**, chị **Y** trả khoản nợ nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Thái Minh Tuấn E** về việc buộc vợ chồng anh **Trần Ngọc H**, chị **Huỳnh Thiện Y** trả cho anh **Thái Minh T2** Em số tiền 89.000.000đ (*tám mươi chín triệu đồng*).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh **Thái Minh Tuấn E** về việc buộc vợ chồng anh **H**, chị **Y** trả số tiền 89.144. 000 đồng.

5. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: **Anh Tuấn E2** phải chịu nộp tiền án phí giá ngạch là 4.450.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh **Tuấn E2** đã nộp 5.096.250 đồng theo biên lai thu số 0006290 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. **Anh Tuấn E2** được nhận lại số tiền chênh lệch là 646.250 đồng (sáu trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Vợ chồng anh **H**, chị **Y** phải chịu nộp tiền án phí giá ngạch là 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi ngàn).

- Án phí dân sự phúc thẩm: **Anh Tuấn E2** phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh **Tuấn E2** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009449 ngày 22/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

L

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND Tp. Phú Quốc;
- CCTHADS Tp. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn

Thẩm phán

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thế Mạnh Nguyễn Thị N

Lê Lâm S

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh;
- CCTHA dân sự huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Lâm Sơn